

Quyết định số: 04/2024/QĐST – VDS Bình Long, ngày 04 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết”,
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Đình Tùng

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Tân Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên họp:

Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 56/2023/TLST – VDS, ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người đã chết”, theo Quyết định mở phiên họp số: 04/2023/QĐPH - VDS, ngày 22/3/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Võ Văn P, sinh năm 1960;

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Họ và tên người liên quan (người bị yêu cầu): Bà Võ Diễm T, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1982. Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ A, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Kiều O, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt)

2. Bà Võ Thị Kiều P1, sinh năm 1974 (Xin vắng mặt)

3. Ông Võ Văn Thịnh V, sinh năm 1996 (Xin vắng mặt)

4. Bà Võ Thị Kiều D, sinh năm 1998 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

5. Bà Lê Thị B, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự 16/5/2023 và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu ông Võ Văn P trình bày: Bà Võ Diễm T, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1982 là con gái của ông Võ Văn P, trước đây bà Võ Diễm T cùng cư trú tại tổ A, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Bà Võ Diễm T đã bỏ nhà ra đi biệt tích từ 10 năm 2002 đến nay không về, không biết tin tức hiện nay

còn sống hay đã chết mặc dù gia đình đã tìm kiếm bằng mọi cách nhưng không thấy, không ai biết thông tin về bà Võ Diễm T, từ đó tới nay không có tin tức gì, gia đình có đăng báo tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức xác định về việc bà Võ Diễm T còn sống hay đã chết. Ông Võ Văn P yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố bà Võ Diễm T sinh ngày 15 tháng 6 năm 1982 có Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 01, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Sông Bé nay là thị xã B, tỉnh Bình Phước là đã chết.

Những người liên quan gồm: Các bà Võ Thị Kiều O, bà Võ Thị Kiều P1, ông Võ Văn Thịnh V, bà Võ Thị Kiều D (V1 và con chung của ông Võ Văn P và bà Võ Thị Kiều O), trong bản tự khai đều cung cấp thông tin liên quan đến việc bà Võ Diễm T đã bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2002 đến nay không về, không có tin tức gì, dù gia đình đã thực hiện nhiều biện pháp tìm kiếm, đăng tin trên báo đài. Nay ông Võ Văn P yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Võ Diễm T, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1982 là đã chết thì bà O, bà P1, ông V, bà D không có ý kiến gì khác.

Bà Lê Thị B trình bày: Tại biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị B ngày 28/6/2023. Bà B trước đây có mối quan hệ với ông Võ văn P2, sinh năm 1960 và sinh được 01 người con tên Võ Thị Kim C, sinh năm 1982. Bà B xác định bà Võ Diễm T không phải con của bà B, bà B không biết ai tên là Võ Diễm T và chưa từng liên lạc với chị Võ Diễm T nên việc bà Võ Diễm T còn sống hay đã chết bà B không biết và không có liên quan gì đến bà B. Bà B có đơn xin vắng mặt cho đến khi giải quyết xong vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên họp phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 71 Bộ luật Dân sự, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn P. Tuyên bố bà Võ Diễm T sinh ngày 15 tháng 6 năm 1982. Địa chỉ cư trú cuối cùng: Tổ A, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước là đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn yêu cầu của ông Võ Văn P, xác định đây là Việc dân sự “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết”. Người bị yêu cầu có nơi cư trú cuối cùng tại tổ A, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long theo quy định tại khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn P, bà Võ Thị Kiều O, bà Võ Thị Kiều P1, ông Võ Văn Thịnh V, bà Võ Thị Kiều D (Vợ và các con chung của ông Võ Văn P) và bà Lê Thị B có đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Dựa vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ gồm: Đơn xác nhận tại Công an xã thanh L1 (nơi cư trú cuối cùng của bà T); Biên bản xác minh tại nơi cư trú cuối cùng của bà T, lời khai của người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Công văn trả lời của Phòng Tư pháp huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, việc đăng ký khai sinh cho bà Võ Diễm T đã được Ủy ban nhân dân xã Q thực hiện đúng theo quy định. Hiện nay hồ sơ lưu tại Ủy ban nhân dân xã bị thất lạc chỉ còn lưu sổ đăng ký khai sinh, có căn cứ xác định: Bà Võ Diễm T là con của ông Võ Văn P. Bà Võ Diễm T đã bỏ nhà đi và không có mặt tại địa phương từ tháng 10 năm 2002 đến nay, tính đến thời điểm hiện tại đã được 20 năm, nhưng vẫn không có tin tức xác thực việc bà Võ Diễm T còn sống hay không. Mặt khác, gia đình ông Võ Văn P đã thực hiện nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức (đăng thông tin tìm kiếm trên 03 số báo liên tiếp) của Báo Công L cụ thể: số 29, 30, 31 ra ngày 12, 14, 19/4/2023; Nhắn tin trên sóng của Đ vào lúc 17 giờ 30 phút đến 18 giờ các ngày 05, 06 07/6/2023) và đã (đăng thông tin tìm kiếm trên 03 số báo liên tiếp) của Báo Công L cụ thể: số 45, 46, 47 ra ngày 07, 09, 14/6/2023. Đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng phát thông báo nhắn tìm bà Võ Diễm T lần đầu tiên, gia đình ông Võ Văn P và Tòa án nhân dân thị xã Bình Long vẫn không nhận được tin tức xác thực về việc bà Võ Diễm T còn sống hay đã chết. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn P về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Võ Diễm T là đã chết, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự.

Về ngày chết của bà Võ Diễm T: Theo xác nhận của Công an xã L1, nơi cư trú cuối cùng của bà Võ Diễm T, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1982 có tin tức cuối cùng vào khoảng tháng 10/2002, đến nay vẫn không có thông tin xác thực bà Võ Diễm T là còn sống, bà Võ Diễm T đã bỏ nhà ra đi biệt tích từ 10 năm 2002 do vậy xác định ngày chết của bà Võ Diễm T, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1982 là ngày 01/11/2007.

[4] Các chi phí đăng tin tìm kiếm và đăng báo C1 về việc tìm kiếm người tuyên bố là đã chết ông Võ Văn P tự nguyện chịu và không yêu cầu Tòa án xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên đư.

[3] Về lệ phí: Căn cứ điểm d Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Ông Võ Văn P được miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Ông Võ Văn P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, tuy nhiên do ông Võ Văn P, sinh năm 1960, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và đã có đơn xin miễn tiền tạm ứng lệ phí và lệ phí, do đó được miễn tiền lệ phí giải

quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/26/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 71 Bộ Luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Võ Văn P

1.1 Tuyên bố: Bà Võ Diễm T, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1982. Địa chỉ cư trú cuối cùng: Tổ A, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước là đã chết, ngày chết là ngày 01/11/2007.

1.2. Các chi phí đăng tin tìm kiếm và đăng báo C1 về việc tìm kiếm người tuyên bố là đã chết ông Võ Văn P tự nguyện chịu và không yêu cầu Tòa án xem xét.

2. Lệ phí: Căn cứ điểm d Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Ông Võ Văn P được miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TX. Bình Long;
- UBND xã Thanh Lương;
- Chi cục THADS TX. Bình Long
- Các đương sự;
- Lưu;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Đình Tùng

- Tài sản của bà **Võ Diễm T** được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

- Về di sản của bà **Võ Diễm T**, ông **Võ Văn P** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THỊ
XÃ BÌNH LONG** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Quyết định số: /2024/QĐST – DSBình Long, ngày 04 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Lê Đình T1**

Thư ký phiên họp: Bà **Phạm Tân H**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên họp:

Ông **Nguyễn Hùng P3** - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: /2023/TLST – VDS, ngày tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người đã chết”, theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2023/QĐPH - VDS, ngày 22/3/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Họ và tên người yêu cầu: Bà **Phạm Thị T2**, sinh năm 1942 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 04, **khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước**. Số điện thoại:... ..

Họ và tên người liên quan (người bị yêu cầu):

Ông **Nguyễn Đức P4**, sinh năm 1941 (Vắng mặt)

Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: **Tổ D, ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Đức D1**, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt)

2. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt)

Cùng Địa chỉ: **Tổ D, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước**.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

*Theo đơn yêu cầu và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo của bà **Phạm Thị T2** trình bày:* Bà **Phạm Thị T2** và ông **Nguyễn Đức P4**, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng **tổ D, ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước**, tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1973, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung bà **Phạm Thị T2** và ông **Nguyễn Đức P4** có với nhau 2 người con chung tên ông **Nguyễn Đức D1**, sinh năm 1980 và ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1986.

Ông **Nguyễn Đức P4** tự ý bỏ nhà ra đi biệt tích từ tháng 02 năm 1986 đến nay không về, ông **Nguyễn Đức P4** không có người thân, không biết tin tức hiện nay ông **Nguyễn Đức P4** còn sống hay đã chết mặc dù gia đình đã tìm kiếm bằng mọi cách nhưng không thấy; Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng của ông **Nguyễn Đức P4**, sinh năm 1942; Địa chỉ: **Tổ D, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước**.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông **Nguyễn Đức P4**, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: **Tổ 04, ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước** là đã chết.

Ông **Nguyễn Đức D1** trình bày: Tôi là con của bà **Phạm Thị T2**, sinh năm

1942 và ông Nguyễn Đức P4, sinh năm 1941. Tôi sinh sống với mẹ từ nhỏ tại địa chỉ tổ D, ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Gia đình tôi có hai anh em, tôi là Nguyễn Đức D1 còn em trai tôi tên Nguyễn Văn S, sinh năm 1986; Cùng Địa chỉ: Tổ D, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Quá trình sinh sống bố tôi là ông Nguyễn Đức P4 tự ý bỏ nhà ra đi biệt tích từ khi chúng tôi còn nhỏ, từ đó đến nay không về, bố tôi hiện nay còn sống hay đã chết gia đình tôi cũng không biết, mặc dù gia đình đã tìm kiếm bằng mọi cách nhưng không thấy; Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Đức P4, sinh năm 1942; Địa chỉ: Tổ D, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Nay mẹ tôi là Nguyễn Thị T3 đang yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông Nguyễn Đức P4, sinh năm 1941 đã chết. Tôi thống nhất ý kiến.

Ông Nguyễn Văn S trình bày: Tôi là con của bà Phạm Thị T2, sinh năm 1942 và ông Nguyễn Đức P4, sinh năm 1941, Địa chỉ tổ D, ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Tôi sinh sống với mẹ tôi từ nhỏ tại địa chỉ tổ D, ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Gia đình tôi có hai anh em, tôi là Nguyễn Văn S còn anh trai tôi tên Nguyễn Đức D1, sinh năm 1980; Cùng Địa chỉ: Tổ D, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Quá trình sinh sống bố tôi là ông Nguyễn Đức P4 tự ý bỏ nhà ra đi biệt tích từ khi chúng tôi còn nhỏ, từ đó đến nay không về, bố tôi hiện nay còn sống hay đã chết gia đình tôi cũng không biết, mặc dù gia đình đã tìm kiếm bằng mọi cách nhưng không thấy; Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Đức P4, sinh năm 1942; Địa chỉ: Tổ D, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Nay mẹ tôi là Nguyễn Thị T3 đang yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông Nguyễn Đức P4, sinh năm 1941 đã chết. Tôi thống nhất ý kiến.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, lời trình bày và xác nhận của người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên họp; Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên họp, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà Phạm Thị T2 về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Đức P4, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước là đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Phạm Thị T2 yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Đức P4, sinh năm 1941 là đã chết, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Bà **Phạm Thị T2** yêu cầu Tòa án tuyên bố ông **Nguyễn Đức P4**, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, **ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước** là đã chết.

Bà **Phạm Thị T2** và ông **Nguyễn Đức P4**, sinh năm 1941, tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1973, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung bà **Phạm Thị T2** và ông **Nguyễn Đức P4** có với nhau 2 người con chung tên ông **Nguyễn Đức D1**, sinh năm 1980 và ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1986.

Ông **Nguyễn Đức P4** tự ý bỏ nhà ra đi biệt tích từ tháng 02 năm 1986 đến nay không về, ông **Nguyễn Đức P4** không có người thân, không biết tin tức hiện nay ông **Nguyễn Đức P4** còn sống hay đã chết mặc dù gia đình đã tìm kiếm bằng mọi cách nhưng không thấy; Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng của ông **Nguyễn Đức P4**, sinh năm 1942; Địa chỉ: **Tổ D, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước**. Nay bà **T2** yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông **Nguyễn Đức P4**, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, **ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước** là đã chết.

Căn cứ vào đơn yêu cầu của bà **T2**, giấy khai sinh ông **Nguyễn Đức D1**, sinh năm 1980 và ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1986, xác nhận**thị xã B**. Yêu cầu của bà **Phạm Thị T2** là có đủ cơ sở nên được chấp nhận. Tuyên bố ông **Nguyễn Đức P4**, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, **ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước** là đã chết.

[3] Về lệ phí của Tòa án: Căn cứ theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **Phạm Thị T2** là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 376 và Điều 378 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 22 và Điều 54 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà **Phạm Thị T2**. Tuyên bố ông **Nguyễn Đức P4**, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, **ấp P, xã A, huyện B tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước** là đã chết. Thời điểm tính từ ngày tuyên bố, ngày 04/3/2024.

2. Lệ phí Tòa án: Căn cứ theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **Phạm Thị T2** được miễn toàn bộ tiền lệ phí Tòa án.

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- TAND T Bình Phước;

THẨM PHÁN

- VKS TX Bình Long;
- Các đương sự;
- Chi cục THA TX Bình Long;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Tùng

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../...../QĐ-SCBSBA ⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do⁽³⁾..... trong bản án
số⁽⁴⁾.../.../DSST- ... ngày...tháng...năm...của Tòa án nhân dân⁽⁵⁾
đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về⁽⁶⁾....., giữa:

Nguyên đơn:

Địa chỉ:

Bị đơn:

Địa chỉ:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Địa chỉ:

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số .../.../DSST- ... ngày...tháng...năm...của Tòa án nhân dân.....như sau:

Tại dòng thứ... từ..., trang...của bản án đã ghi:⁽⁷⁾ “
”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:⁽⁸⁾“
”

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Cơ quan, tổ chức khởi kiện (nếu có);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA⁽⁹⁾

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 53-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm và ra bản án; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án (ví dụ: Số: 10/2017/QĐ-SCBA).
- (3) Tuy từng trường hợp mà ghi cụ thể “lỗi rõ ràng về chính tả”, “nhầm lẫn về số liệu” hoặc “tính toán sai”.
- (4) Ghi số bản án và ngày tháng năm ra bản án (ví dụ: Số: 15/2017/DSST-KDTM ngày 20-4-2017).
- (5) Ghi tên Tòa án nhân dân đã ra bản án đó theo cách ghi hướng dẫn tại điểm (1).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Trích lại nguyên văn phần bản án phát hiện có sai sót cần sửa chữa, bổ sung.
- (8) Ghi đầy đủ nội dung cần sửa chữa, bổ sung để khắc phục sai sót.
- (9) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phối hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử đã tuyên bản án đó phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Nếu Thẩm phán đã xét xử vụ án đó không còn đảm nhiệm chức vụ Thẩm phán tại Tòa án đã ra bản án đó thì Chánh án Tòa án phải thực hiện việc sửa chữa, bổ sung bản án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../...../QĐ-SCBSBA ⁽²⁾

....., ngày..... tháng năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do⁽³⁾..... trong bản án
số⁽⁴⁾.../.../DSST- ... ngày...tháng...năm...của Tòa án nhân dân⁽⁵⁾
đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về⁽⁶⁾....., giữa:

Nguyên đơn:

Địa chỉ:

Bị đơn:

Địa chỉ:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Địa chỉ:

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số .../.../DSST- ... ngày...tháng...năm...của Tòa án nhân dân.....như sau:

Tại dòng thứ... từ..., trang...của bản án đã ghi:⁽⁷⁾ “
”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:⁽⁸⁾“
”

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Cơ quan, tổ chức khởi kiện (nếu có);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA⁽⁹⁾

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trong ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại.....⁽¹⁰⁾ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾ ngày..... tháng..... năm..... về yêu cầu⁽¹²⁾ theo Quyết định mở phiên họp số:...../...../QĐPH-.....⁽¹³⁾ ngày.....tháng..... năm.....

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁴⁾

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁵⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁶⁾

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:.....⁽¹⁷⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹⁸⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹⁹⁾

4. Người làm chứng:⁽²⁰⁾

5. Người phiên dịch:⁽²¹⁾

6. Người giám định:⁽²²⁾

7. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:⁽²³⁾

-

-

-

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án⁽²⁴⁾ nhận định:⁽²⁵⁾

-
-
-

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:⁽²⁶⁾

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp⁽²⁷⁾:

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án
⁽²⁸⁾.....

.....
.....

(29)